

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2018

Về việc: “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Túy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Huy Xuân

2. Bà Trần Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 139/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Tổ 12, thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chỗ ở hiện nay: Tổ B, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương (*Chị L vắng mặt- có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

2. Bị đơn: Anh Trần Truyền N, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 12, thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu ly hôn, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị Nguyễn Thị L và Anh Trần Truyền N đăng ký kết hôn vào ngày 12-11-2008 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có tổ chức lễ cưới tại gia đình hai bên. Quá trình sống chung đến tháng 09 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do anh N không lo làm ăn, thường chơi bời, cờ bạc, cá độ, số đề gây ra nợ nần, không quan tâm đến gia đình vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi

vã, xúc phạm nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài nên hai người đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2016 đến nay. Nay chị Nguyễn Thị L cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với Anh Trần Truyền N.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và Anh Trần Truyền N có 02 người con chung là cháu Trần Yên N, sinh ngày 02-8-2008 và cháu Trần Tố U, sinh ngày 25-2-2012. Hiện nay cháu N và cháu U đang sống chung với chị L. Nay ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N và cháu U và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Anh Trần Truyền N trình bày:

Anh Trần Truyền N đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp; thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là Anh Trần Truyền N đã được Tòa án triệu tập đến làm việc nhưng anh N vẫn vắng mặt tại các phiên làm việc và tại phiên tòa, không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh N ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L; về con chung: Chị L và anh N có 02 người con chung là cháu Trần Yên N, sinh ngày 02-8-2008 và cháu Trần Tố U, sinh ngày 25-2-2012. Hiện nay cháu N và cháu U đang sống chung với chị L. Nay ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N và cháu U và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L; về tài sản chung và nợ chung chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Nguyễn Thị L và Anh Trần Truyền N đăng ký kết hôn vào ngày 12-11-2008 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa –

Vũng Tàu. Nay chị L yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; nơi cư trú của Anh Trần Truyền N là xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Ngày 12-12-2018, Tòa án mở phiên tòa để xét xử vụ án nhưng anh N vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án phải hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa là ngày 28-12-2018 nhưng tại phiên tòa anh N vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do còn chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị L và Anh Trần Truyền N là đúng quy định tại khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L và Anh Trần Truyền N đăng ký kết hôn vào ngày 12-11-2008 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Trong quá trình sống chung đến tháng 9 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân theo chị L trình bày là do anh N không lo làm ăn, thường chơi bời, cờ bạc, cá độ, số đề gây ra nợ nần, không quan tâm đến gia đình vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài nên hai người đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2016 đến nay. Trong quá trình ly thân thì chị L đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả.

[4] Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị L, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để anh N và chị L hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình nhưng các lần hòa giải và tại phiên tòa anh N đều vắng mặt điều đó chứng tỏ anh N không có thiện chí để hàn gắn tình cảm gia đình. Theo kết quả xác minh thì chị L và anh N phát sinh mâu thuẫn là có thật và sống ly thân từ tháng 9 năm 2016 đến nay.

[5] Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh N ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với Anh Trần Truyền N.

[6] *Về quan hệ con chung:* Chị Nguyễn Thị L và Anh Trần Truyền N có 02 người con chung là cháu Trần Yên N, sinh ngày 02-8-2008 và cháu Trần Tố U, sinh ngày 25-2-2012. Hiện nay cháu N và cháu U đang sống chung với chị L. Nay ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 người con chung là cháu N và cháu U.

Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian chị L và anh N sống ly thân thì cháu N và cháu U được chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến nay cháu N và cháu U có cuộc sống sinh hoạt, phát triển bình thường và nguyện vọng của cháu Ngọc muốn được ở với chị L. Để ổn định và không làm xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt của cháu N và cháu U nên cần ghi nhận giao con chung là cháu N và cháu U cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[7] *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án thì chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xét

thấy cần ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[8] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Giành quyền khởi kiện về tài sản chung và nợ chung cho Anh Trần Truyền N bằng một vụ án khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

[9] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với Anh Trần Truyền N.

Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị L và Anh Trần Truyền N có 02 người con chung là cháu Trần Yến N, sinh ngày 02-8-2008 và cháu Trần Tố U, sinh ngày 25-2-2012.

Chị Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 người con chung là cháu Trần Yến N và cháu Trần Tố U.

Anh Trần Truyền N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Truyền N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002069 ngày 26-4-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức. Chị Nguyễn Thị L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, chị Nguyễn Thị L và Anh Trần Truyền N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Chi cục THA Dân sự huyện Châu Đức;
- UBND xã S, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Túy